TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hà Vĩnh

2. Bà Nguyễn Thị Phương

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng M, sinh năm 1984, (có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1985, (có mặt)

Đều cư trú: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng M trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hồng V ngày 16/5/2009 tại UBND xã N, trước khi cưới được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị V về chung sống cùng gia đình anh ngay, đến năm 2012 thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống không được hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2013 phì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau và thỉnh thoảng đánh nhau. Đến ngày 19/7/2018, anh có đơn xin ly hôn chị V tại Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, sau đó anh rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 27/01/2011 và Nguyễn Thị Minh C, sinh ngày 18/7/2013, hiện hai con đang ở cùng chị V. Quá trình giải quyết anh xin được nuôi hai con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tại phiên tòa anh đồng ý để chị V nuôi hai con và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V đối với cháu Đ 3.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5/2019 đến khi cháu Đ mười tám tuổi. Hiện anh đang làm tự do thu nhập bình quân của anh là 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Về quan hệ hôn nhân, quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn như anh M trình bày là đúng. Nhưng theo chị nguyên nhân mâu thuẫn do anh M đi làm và có ngoại tình nên đánh đập chị. Ngày 19/7/2018, anh M có đơn xin ly hôn chị, Tòa án nhân dân huyện Sông Lô đã thụ lý, hòa giải. Anh M đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, tuy sống chung nhà nhưng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau và ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình giải quyết anh M xin ly hôn, chị xác định không còn tình cảm gì nhưng vì con cái nên chị đề nghị được đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống, nuôi dạy con chung. Tại phiên tòa, chị xác định vẫn còn tình cảm với anh M và chị xin đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh M trình bày là đúng. Quá trình giải quyết chị xác định nếu ly hôn, chị xin được nuôi hai con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Đ là 3.000.000đ/tháng đến khi cháu Đ đủ mười tám tuổi. Tại phiên tòa, chị xin đoàn tụ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung. Hiện chị đang làm giáo viên, thu nhập trung bình là 4.800.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã N: Anh M, chị V kết hôn ngày 16/5/2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn chị V về chung sống cùng gia đình anh M ngay. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo dư luận tại địa phương do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và nghi ngờ ghen tuông với nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau. Anh M đã có lần nộp đơn ly hôn sau đó lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Nay anh M xin ly hôn với chị V địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh chị có hai con là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 27/01/2011 và Nguyễn Thị Minh C, sinh ngày 18/7/2013, hiện nay hai con đang ở cùng chị V. Ly hôn, địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét

xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hồng M và xử cho anh M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng V.

2.Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Hồng V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 27/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Minh C, sinh ngày 18/7/2013, hiện hai cháu đang ở cùng chị V. Anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V đối với cháu Đ theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ mười tám tuổi.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hồng M và chị Nguyễn Thị Hồng V là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Sông Lô. Nguyên nhân theo dư luận tại địa phương do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và nghi ngờ ghen tuông với nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị V. Quá trình giải quyết chị V xác định không còn tình cảm gì nhưng vì con chung nên chị đề nghị được đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn, chung sống nuôi dạy con. Tại phiên tòa chị xác định vẫn còn tình cảm với anh M, chị xin được đoàn tụ. Việc chị V xin được đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn, chung sống là không thực tâm. Xét thấy, ngày 19/7/2018 anh M có đơn xin ly hôn chị V, Tòa án nhân dân huyện Sông Lô đã thụ lý hòa giải, anh M đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng vợ chồng về chỉ sống chung nhà, cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh M xin ly hôn chị V là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 27/01/2011 và Nguyễn Thị Minh C, sinh ngày

18/7/2013, hiện nay hai con đang ở cùng chị V. Quá trình giải quyết anh M xin được nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tại phiên tòa, anh đồng ý để chị V nuôi hai con và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V đối với cháu Đ 3.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5/2019 đến khi cháu Đ mười tám tuổi. Quá trình giải quyết chị V xác định nếu ly hôn chị xin được nuôi hai con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Đ là 3.000.000đ/tháng đến khi cháu Đ mười tám tuổi. Tại phiên tòa chị xin đoàn tụ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng hiện cháu Đ và cháu C đang ở cùng chị V , hai cháu còn nhỏ. Để tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu và để đảm bảo cuộc sống cho các cháu sau này. Vì vậy căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cho chị V tiếp tục nuôi hai con và chấp nhận sự tự nguyện của anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V đối với cháu Đ 3.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5/2019 đến khi cháu Đ mười tám tuổi.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh M, chị V không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4] Về án phí: Anh M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hồng M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng V.

2.Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Hồng V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 27/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Minh C, sinh ngày 18/7/2013. Anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V đối với cháu Đ 3.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5/2019 đến khi cháu Đ mười tám tuổi. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Hồng V có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Hồng M không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định

bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị nên Hội đồng xét xử nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2017/0001458 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Anh M còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Như Thụy;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ